

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2018/HS-PT
Ngày: 12-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Võ Ngọc Thông
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Nguyễn Văn Tiến Ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 283/2018/TLPT-HS ngày 24/08/2018 đối với các bị cáo: Trần Anh T về tội “*Vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”. Do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2018/HS-ST ngày 12/07/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Anh T, Sinh ngày: 18/8/1985; tại huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Số 648 (Số cũ 29) đường D1, phường D1, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Giám đốc công ty TNHH MTV TS; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Con ông Trần Văn D (sinh năm 1962) và bà Phan Thị H (sinh năm 1965), Vợ Phạm Thị M (Sinh năm 1985); Con: Có 02 người con, (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014) Tiền án; tiền sự; không; Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp Ngăn chặn cản đi khỏi nơi cư trú.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị H

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Số 648 (Số cũ 29) D1, phường D1, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Từ ngày 04/3/2017 đến ngày 05/3/2017, Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm buôn lậu (C74), Bộ Công an phối hợp với Công an huyện N và Hạt kiểm lâm huyện N, tỉnh Kon Tum phối hợp kiểm tra việc mua bán, kinh doanh, cất giữ lâm sản (gỗ) tại kho của Công ty TNHH MTV TS (gọi tắt Công ty TS; địa chỉ: thôn N2, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum). Tại thời điểm kiểm tra, qua đo đếm, Đoàn kiểm tra đã xác định tổng khối lượng gỗ thực tế tại kho bãi là 476,211 m³ gỗ xẻ. Sau khi đối chiếu gỗ thực tế với hồ sơ nguồn gốc lâm sản do Công ty xuất trình, Đoàn kiểm tra phát hiện 296 hộp gỗ xẻ khối lượng 101,283 m³, chủng loại Sao cát nhóm III, Cóc đá nhóm IV, Gội nhóm V, Thông nang nhóm IV, Xoan mộc nhóm VI, Trám nhóm VII, Dầu nhóm V, Re nhóm IV không có hồ sơ nguồn gốc hợp pháp. Khi làm việc với Đoàn kiểm tra, bị can Trần Anh T (Giám đốc Công ty TS) trình bày toàn bộ 296 hộp gỗ xẻ khối lượng 101,283 m³ gồm các chủng loại gỗ nói trên không có hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp, trong đó có 21 hộp gỗ xẻ khối lượng 5,710 m³, chủng loại Re nhóm IV là của Công ty mua lại của một số người dân địa phương, còn lại 275 hộp gỗ xẻ khối lượng 95,573 m³ là của 16 nhân viên Công ty mua trôi nổi của người dân địa phương và gửi tại kho Công ty. Đoàn kiểm tra đã kết luận toàn bộ 296 hộp gỗ xẻ khối lượng 101,283 m³ không có hồ sơ chứng minh hợp pháp và thống nhất giao toàn bộ hồ sơ cùng tang vật cho Hạt kiểm lâm Ngọc Hồi tiến hành xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Trần Anh T đã khai nhận toàn bộ 296 hộp gỗ xẻ khối lượng 101,283 m³ gỗ các loại từ nhóm III đến nhóm VII là do Tuấn mua nhỏ lẻ qua nhiều năm từ người dân địa phương và có một phần gỗ dư ra sau khi cưa xẻ các lô gỗ nhập khẩu từ nước CHDCND Lào về Việt Nam, nên không có hồ sơ hợp pháp. Sau khi Công ty TS bị kiểm tra, do lo sợ sẽ bị xử lý nặng, nên Tuấn đã nhờ 16 người là nhân viên làm thuê cho Công ty đứng ra nhận giúp mỗi người là chủ sở hữu từ 05 m³ đến 06 m³ gỗ xẻ gửi tại kho, tất cả đều đồng ý.

Bản Kết luận định giá số 10/KL-ĐG ngày 20/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Kon Tum kết luận: tổng giá trị của 296 hộp gỗ xẻ khối lượng 101,283 m³ là 879.662.000 đồng (*Tám trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng chẵn*).

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra tạm giữ gồm 296 hộp gỗ xẻ các loại từ nhóm III đến nhóm VII, tổng khối lượng 101,283 m³; khối lượng gỗ này hiện đang gửi và bảo quản tại kho của Hạt Kiểm lâm huyện N, tiếp tục tạm giữ chờ xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2018/HS-ST ngày 12/07/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 175; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Anh T phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Anh T **02 (Hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần án phí; quyền kháng cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 bị cáo Trần Anh T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Tuy bị cáo có ông Nội là cha Liệt sỹ, ông, bà ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng là thuộc diện gia đình có công với cách mạng nhưng so với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã có hành vi cất giữ 101,283m² gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm V không có giấy tờ hợp pháp Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của bị cáo Trần Anh T: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện và hoàn cảnh gia đình của bị cáo là gia đình có công với cách mạng, bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số lượng gỗ này là do bị cáo thu mua gom của người dân tại địa phương, chứ không phải bị cáo đi khai thác gỗ, về số lượng mới chỉ hơn 100m². Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện làm ăn trả nợ, nuôi sống gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Anh T, xét thấy:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Tuấn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ có tại hồ sơ và vật chứng vụ án. Do đó, có căn cứ để xác định trong khoảng thời gian từ cuối năm 2016 đến trước tháng 3/2017, bị cáo đã có hành vi thu mua, cất giữ 101,283m³ gỗ (Quy tròn) 162,035m³ gỗ các loại thông thường từ nhóm III đến nhóm VII, chủng loại sao cát III, Cóc đá nhóm IV, Gội nhóm V, Thông nạng nhóm IV, Xoan mộc nhóm VI, Trám nhóm VII, Dầu nhóm V, Re nhóm IV không có hồ sơ nguồn gốc gỗ hợp pháp (BL 37 - 49, 445 -1185). Bị cáo đã khai nhận số gỗ trên là do bị cáo đích thân thu mua gom của những người dân địa phương không có hồ sơ gỗ hợp pháp. Do đó, hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật theo Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN&PTNT-BTP-BCA-

VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số Điều của Bộ luật Hình sự về các tội trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản và theo quy định tại tiểu mục 1.6 mục 1 phần IV Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét và vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo xuất trình cho Hội đồng xét xử bản gốc Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ, một số huân, huy chương, theo bị cáo đây là tài liệu chứng minh ông Nội của bị cáo là cha Liệt sỹ, ông, bà ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào xác nhận mối quan hệ giữa bị cáo với những người có công với cách mạng. Đồng thời, bị cáo có khai, trong quá trình Công ty TS hoạt động tại huyện N bị cáo là Giám đốc, Công ty đã có nhiều thành tích đóng góp về vật chất cho địa phương và bị cáo cũng đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ đối với Nhà nước nhưng không có tài liệu nào xác nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999 để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo như đề xuất của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum và ý kiến của bị cáo, đã xử phạt bị cáo 02 năm tù là có căn cứ.

[3]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bổ sung các tài liệu có xác nhận của chính quyền địa phương các vấn đề nêu trên. Do đó, cần áp dụng thêm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999 cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Tuấn bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù không quá 02 năm, có nhân thân tốt, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tốt và không thuộc một trong các trường hợp không được cho hưởng án treo; vì vậy, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội thì mới cải tạo, giáo dục được bị cáo; đồng thời cũng để cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Anh T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2018/HS-ST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Áp dụng khoản 2 Điều 175; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuyên xử:

1. Xử phạt Bị cáo Trần Anh T 02 (Hai) năm tù về tội “*Vi phạm các qui định về khai thác và bảo vệ rừng*” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Trần Anh T cho Ủy ban nhân dân phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục bị cáo; đồng thời gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Duy Tân trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- THA dân sự tỉnh Kon Tum;
- Các bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông